TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2023/DS-ST
Ngày: 28 /3 /2023
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Quang Lương

2. Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST - DS ngày 03/10/2022 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13 / 2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 16/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1936;

Hộ khẩu thường trú tại: Số 17/5A đường 411, tổ 6, ấp 3, xã Phước V A, huyện Củ C, TP Hồ Chí Minh, bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc P; Sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Thôn 7 xã Nghĩa N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, ông Nguyễn Ngọc P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Vào ngày 30/6/1995, bà T được chính quyền địa phương cấp cho một phần đất lăng (cụ thể là Nghĩa trang nhân dân Cụm 10) xã Nghĩa N, TP Đồng H, tỉnh Quảng Bình, phần đất số 28.29 tại tượng đài nghĩa trang. Năm 2012 do cần tiền khám chữa bệnh nên bà T nhờ con trai là ông Nguyễn Ngọc P bán thửa đất trên được 60.000.000 đồng, tuy nhiên ông P đã không trả lại số tiền nêu trên cho bà T. Ông P mặc dù là con đẻ của bà T nhưng P thường xuyên có hành vi không đúng đạo đức của người con, thường xuyên chửi bới, thô bạo bà, đuổi bà ra khỏi nhà.

Vì vậy, bà Hoàng Thị T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc P trả lại số tiền 60.000.000 đồng (bằng chữ: sáu mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh kể từ năm 2012 đến năm 2022.

* **Ý kiến trình bày của Bị đơn:** Bị đơn giữ nguyên toàn bộ nội dung đã khai ngày 21/10/2022. Ngày 21/10/2022 tôi P đã có đơn yêu cầu phản tố kèm bản phô tô 07 chứng từ giao dịch, 02 uỷ nhiệm chi gửi đến Toà án. Tuy nhiên ngày 27/10/2022 tôi đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố. Việc rút yêu cầu phản tố của tôi là hoàn toàn tự nguyện vì xuất phát là tình cảm mẹ con nên tôi không mong muốn ai bị tổn thương cả. Tôi thừa nhận vào năm 2019 mẹ tôi là bà Hoàng Thị T có giao cho tôi một phần đất lăng mộ tại nghĩa trang thôn Thuận H, xã Nghĩa N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ giấy uỷ quyền lập ngày 16/7/2020 của mẹ tôi uỷ quyền cho tôi với nội dung "*Hiện nay tôi (T) có sở hữu một lô đất lăng mộ tại nghĩa trang thôn Thuận H, xã Nghĩa N… nay tôi (T) uỷ quyền cho con trai (Anh Nguyễn Ngọc P sinh năm 1968) đứng ra bán lô đất nói trên"*. 01 bản gốc giấy uỷ quyền của bà T cho tôi lập ngày 16/7/2020 được lập bằng viết tay, không được công chứng chứng thực. Việc lập giấy uỷ quyền nói trên là sự tự nguyện của mẹ con tôi. Đến cuối năm 2021 tôi bán phần đất lăng mộ trên được giá 55.000.000 đồng. Số tiền tôi bán được có báo cho mẹ tôi biết, tuy nhiên tất cả số tiền trên tôi đã dùng để trả lãi vay ngân hàng cho khoản vay mà tôi đã nôp cho bà T. Việc tôi dùng toàn bộ số tiền trên để trả nợ Ngân hàng cho mẹ tôi thì giữa tôi và mẹ tôi chỉ trao đổi bằng miệng, mẹ tôi đồng ý, chứ chúng tôi không lập thành biên bản gì. Vì tiền tôi đã sử dụng cho mục đích cá nhân của mẹ tôi nên tôi không còn để trả lại mẹ tôi nữa. Đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của bà T vì không có cơ sở.

Tại Đơn tường trình ngày 13/3/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/3/2023 của bà Hoàng Thị T gửi Toà án có nội dung: yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông P trả lại cho bà T cả gốc và lãi phát sinh tạm tính là 63.863.875 đồng trong đó có 55.000.000 đồng tiền bán lăng, còn lại 8.868.875 đồng là tiền lãi phát sinh từ tháng 9 năm 2012 đến nay.

Tại phiên toà ông P giữ nguyên ý kiến đã trình bày ở phiên hoà giải như sau: đến tháng 10 năm 2021 tôi (P) bán phần đất lăng mộ trên được giá 55.000.000 đồng trên cơ sở giấy uỷ quyền của bà T cho tôi (P) vào ngày 16/7/2020. Số tiền tôi (P) bán được có báo cho mẹ tôi biết, tuy nhiên tất cả số tiền trên tôi đã dùng để trả lãi vay ngân hàng cho khoản vay mà tôi đã nộp cho bà T. Việc tôi (P) dùng toàn bộ số tiền trên để trả nợ Ngân hàng cho mẹ tôi thì giữa tôi và mẹ tôi chỉ trao đổi bằng miệng, mẹ tôi đồng ý, chứ chúng tôi không lập thành biên bản gì. Vì tiền tôi đã sử dụng cho mục đích cá nhân của mẹ tôi nên tôi không còn để trả lại mẹ tôi nữa. Đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của bà T vì không có cơ sở. Việc bà T yêu cầu tôi phải trả lãi khoản tiền bán lăng từ tháng 9 năm 2012 đến nay là hoàn toàn vô lý vì thực tế giữa hai mẹ con có uỷ quyền cho tôi bán lăng là vào ngày 16/7/2020, thực tế đến tận tháng 10 năm 2021 tôi mới bán được và có thông báo cho mẹ biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc P có nơi đăng ký tạm trú tại Thôn 7 xã Nghĩa N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Theo nguyên đơn trình bày vào ngày 30/6/1995, bà T được chính quyền địa phương cấp cho một phần đất lăng (cụ thể là Nghĩa trang nhân dân Cụm 10) xã Nghĩa N, TP Đồng H, tỉnh Quảng Bình, phần đất số 28.29 tại tượng đài nghĩa trang. Năm 2012 do cần tiền khám chữa bệnh nên bà T nhờ con trai là ông Nguyễn Ngọc P bán thửa đất trên được 60.000.000 đồng, tuy nhiên ông P đã không trả lại số tiền nêu trên cho bà T. Ông P thừa nhận bán thửa đất trên được 55.000.000 đồng thì ý kiến bà T cũng chấp nhận để yêu cầu Toà án buộc P trả lại số tiền 55.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh.

Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp kiện đòi lại tài sản thuộc trường hợp vay có kỳ hạn được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc, hòa giải, các bên đều có mặt nhưng không đạt được sự thoả thuận. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Ngày 14/02/2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS, mở phiên tòa vào ngày 28/02/2023, nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ nhất và có đơn xin hoãn phiên toà. HĐXX căn cứ các Điều 277 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên toà số 16/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023 và ấn định thời gian mở lại phiên toà vào ngày 28/3/2023. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt tại phiên toà.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bà Hoàng Thị T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc P trả lại số tiền 60.000.000 đồng (bằng chữ: sáu mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh kể từ năm 2012 đến năm 2022. Tuy nhiên tại Đơn tường trình ngày 13/3/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/3/2023 của bà Hoàng Thị T gửi Toà án có nội dung: yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông P trả lại cho bà T cả gốc và lãi phát sinh tạm tính là 63.863.875 đồng trong đó có 55.000.000 đồng tiền bán lăng, còn lại 8.868.875 đồng là tiền lãi phát sinh từ tháng 9 năm 2012 đến nay. HĐXX thấy rằng bà T có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc bán lăng nay bà T chỉ đòi ông P phải trả gốc là 55.000.000 đồng và 8.868.875 đồng là tiền lãi phát sinh từ tháng 9 năm

2012 đến nay. HĐXX thấy cần tôn trọng quyền tự định đoạt của nguyên đơn. Mặt khác trong suốt quá trình tố tụng tại Toà án, phía bị đơn đều thừa nhận đến tháng 10 năm 2021 bị đơn bán phần đất lăng mộ trên được giá 55.000.000 đồng trên cơ sở giấy uỷ quyền của bà T cho bị đơn vào ngày 16/7/2020. Ông P trình bày số tiền ông P bán được có báo cho bà T biết, tuy nhiên tất cả số tiền trên ông P đã dùng để trả lãi vay ngân hàng cho khoản vay mà ông P đã nôp cho bà T và việc ông P dùng toàn bộ số tiền trên để trả nợ Ngân hàng cho bà T thì giữa hai mẹ con chỉ trao đổi bằng miệng, bà T đồng ý, chứ hai bên không lập thành biên bản gì. Vì tiền ông P đã sử dụng cho mục đích cá nhân của bà T nên ông P không còn để trả lại bà T nữa.

HĐXX thấy rằng trên cơ sở giấy uỷ quyền của bà T cho bị đơn vào ngày 16/7/2020 thì nội dung giấy uỷ quyền chỉ uỷ quyền cho ông P thay mặt bà T bán đất lăng chứ không uỷ quyền cho ông P có quyền định đoạt sử dụng khoản tiền thu được. Việc ông P trình bày đã dùng số tiền bán đất lăng để trả lãi vay ngân hàng cho khoản vay mà ông P đã nôp cho bà T thì tại phiên hoà giải ngày 01/12/2022 bà T không nhất trí về nội dung này vì bà cho rằng giữa hai mẹ con không có sự thoả thuận về việc dùng số tiền trên để trả nợ lãi vay ngân hàng. Ông P cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc có thoả thuận của đôi bên. Do đó, đây là giao dịch riêng giữa ông P và bà T, nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết ở một vụ kiện khác.

Như vậy có đủ cơ sở xác định việc ông P còn nợ bà T 55.000.000 đồng là tiền gốc bán đất lăng kể từ tháng 10 năm 2021 đến nay chưa trả cho bà T là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì có đủ cơ sở khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - yêu cầu ông P chuyển trả số nợ gốc là 55.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Đối với khoản tiền 8.868.875 đồng là tiền lãi phát sinh từ tháng 9 năm 2012 đến nay mà bà T yêu cầu ông P phải trả thì HĐXX thấy rằng:

Tại giấy uỷ quyền về việc bán đất lăng giữa bà T và ông P lập ngày 16/7/2020 thì việc bà T yêu cầu ông P phải trả lãi phát sinh từ tháng 9 năm 2012 đến nay là không phù hợp. Có đủ cơ sở thấy lời khai của ông P là phù hợp vì văn bản uỷ quyền lập tháng 7 năm 2020 và ông P thừa nhận bán đất lăng tháng 10 năm 2021 do đó từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023 (thời điểm xét xử) là 17 tháng, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được chấp nhận giới hạn là 0,83% /tháng. Do đó 55.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 17 tháng là 7.760.500 đồng. Việc bà T yêu cầu trả số tiền lãi phát sinh là 8.868.875 đồng là vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định 1.108.375 đồng. Chỉ chấp nhận tiền lãi phát sinh từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023 là 17 tháng trên số nợ gốc 55.000.000 đồng là 7.760.500 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về khoản lãi phát sinh 1.108.375 đồng.

[4] Về án phí: Đối với yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả nợ gốc và lãi phát sinh được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Đối với yêu cầu của bà T không được chấp nhận một phần về khoản lãi phát sinh 1.108.375 đồng thì bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà T thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 62.760.500 đồng x 5% = 3.138.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 91; Điều 147; điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc Bị đơn - ông Nguyễn Ngọc P phải trả số tiền **62.760.500 đồng** *(bằng chữ: sáu mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, năm trăm đồng)* trong đó nợ gốc là 55.000.000 đồng và nợ lãi 7.760.500 đồng cho bà Hoàng Thị T.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận khoản tiền lãi mà bà Hoàng Thị T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc P phải trả là **1.108.375 đồng**.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Buộc Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **3.138.000 đồng** để sung ngân sách Nhà nước.

3.2 Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2023); nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa